TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST Ngày: 26-10-2017 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Vĩnh Ảnh

Ông Trần Văn Phơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 26/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị Thúy A, địa chỉ: Số BK đường HV, khóm S, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Âu Quốc T, địa chỉ: Số BT đường NQ, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2017 và lời trình bày của chị Lâm Thị Thúy A tại phiên tòa thì:

Chị Lâm Thị Thúy A và anh Âu Quốc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng ngày MK/S/HKKH. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Âu Gia L (nam, sinh ngày 15/11/2003), cháu Âu Gia T (nam, sinh ngày 26/10/2006) nhưng không có tài sản chung và nợ chung.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì chị A và anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T và trực tiếp nuôi dưỡng cháu Âu Gia L, cháu Âu Gia T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lâm Thị Thúy A đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số NN/KKH, quyển số MB/TT; hai bản sao có chứng thực Giấy khai sinh thể hiện chị A, anh T đăng ký kết hôn vào ngày MK/S/HKKH tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng và anh chị có 02 con chung là cháu Âu Gia L (nam, sinh ngày 15/11/2003), cháu Âu Gia T (nam, sinh ngày 26/10/2006).

- Theo ý kiến của bà Lê Thị Nhung tại biên bản xác minh ngày 26/7/2017 thì chị Lâm Thị Thúy A, anh Âu Quốc T là con gái và con rể của bà Nhung và nguyên nhân chị A, anh T phát sinh tranh chấp là do anh T không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà Nhung đã nhiều lần động viên nhưng anh chị vẫn không hàn gắn tình cảm được.

- Theo kết quả ghi nhận ý kiến ngày 26/7/2017 của Tòa án đối với các cháu Âu Gia L, Âu Gia T thì các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị Lâm Thị Thúy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng,

[1.1] Chị Lâm Thị Thúy A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Âu Quốc T và anh T cư trú tại địa chỉ số BT đường NQ, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Do anh Âu Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Chị Lâm Thị Thúy A và anh Âu Quốc T xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày MK/S/HKKH tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số NN/KKH, quyển số MB/TT nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản xác minh ngày 26/7/2017, đủ cơ sở xác định chị Lâm Thị Thúy A và anh Âu Quốc T sau thời gian chung sống, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau; anh chị đã được gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được; từ năm 2014 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của các bên đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị A ly hôn với anh T.

[4] Về con chung, do cháu Âu Gia L (nam, sinh ngày 15/11/2003), cháu Âu Gia T (nam, sinh ngày 26/10/2006) hiện đang chung sống với chị Lâm Thị Thúy A và chị A có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm lo cho các cháu phát triển về mọi mặt và yêu cầu nuôi con của chị A cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cháu T nên Hội đồng xét xử giao các cháu cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Lâm Thị Thúy A tự nguyện không yêu cầu anh Âu Quốc T thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Anh Âu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung và nợ chung thì chị Lâm Thị Thúy A tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Chị Lâm Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thúy A:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lâm Thị Thúy A được ly hôn với ông Âu Quốc T.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 con chung là cháu Âu Gia L (nam, sinh ngày 15/11/2003), cháu Âu Gia T (nam, sinh ngày 26/10/2006) cho chị Lâm Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Âu Quốc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Âu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Âu Gia L và cháu Âu Gia T theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Thúy A tự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số

0007236 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; chị Lâm Thị Thúy A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Chị Lâm Thị Thúy A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Âu Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương